

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST

Ngày: 10/9/2019

“V/v trA chấp hợp đồng góp hụi”.

NHÂN DA

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Thử**.

2. Ông **Nguyễn Văn Ngư**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đình Quốc ThA**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2019/TLST-DS, ngày 18 tháng 03 năm 2019 về việc "TrA chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Huỳnh A**, sinh năm 1988, địa chỉ: ấp Mương K, xã Thiện M, huyện C T, tỉnh S T (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Huỳnh G**, sinh năm 1990 (có mặt), địa chỉ: ấp Mương Ki, xã Thiện M, huyện Châu T, tỉnh S T (Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 5 năm 2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, là luật sư Công ty luật TNHH Phạm N, thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ, địa chỉ: số 26 Trần Khánh Dư, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bị đơn: - Bà **Hồ Thị P (Hồ Thúy P)** (vắng mặt).

- Ông **Hà Văn M** (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Hồ Thị P là ông Hà Văn M (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 9 năm 2019).

Cùng trú tại: ấp Mương Ki, xã Thiện M, huyện C T, tỉnh S T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2019 của nguyên đơn bà Hồ Thị Huỳnh A và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn A là bà Hồ Thị Huỳnh G trình bày:

Vào năm 2016, bà Hồ Thị Huỳnh A có tham gia góp hụi do bà Hồ Thị P (Hồ Thúy P) và ông Hà Văn M làm đầu thảo. Do thân quen với nhau, nên bà A có tham gia 02 dây hụi mỗi dây hụi bà A tham gia góp một phần. 02 dây hụi bà A tham gia theo thỏa thuận là hụi mùa lúa mỗi năm sẽ khai 03 lần (tính theo 03 vụ lúa hàng năm) vào các tháng như: tháng 02, tháng 7 và tháng 11 trong năm). Mỗi dây hụi có 12 người tham gia và số tiền mỗi dây là 5.000.000 đồng, cả 02 dây hụi trên cùng khai ngày 15/02/2016.

Tính đến tháng 07 năm 2018, 02 dây hụi trên đã khai được tổng cộng là 08 lần x 5.000.000 đồng x 2, như vậy bà A đã góp với số tiền hụi sống là 80.000.000 đồng. Sau đó, đến tháng 09 năm 2018, bà P và ông M đã tuyên bố bế hụi và không trả số tiền trên cho bà A, bà A cũng đã nhiều lần đến gặp bà P và ông M yêu cầu trả số tiền hụi nêu trên cho bà A nhưng bà P và ông M không có thiện chí trả tiền hụi cho bà A.

Vì vậy, nguyên đơn bà Hồ Thị Huỳnh A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bị đơn bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M trả cho bà số tiền hụi là 80.000.000 đồng và trả một lần.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Hà Văn M cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị P trình bày:

Ông Hồ Văn M đã thống nhất theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị Huỳnh A và thừa nhận có thiếu tiền hụi của bà A tổng cộng là 80.000.000 đồng, nhưng do hiện nay kinh tế gia đình bà đang khó khăn, trả một lần không có khả năng trả và xin trả hàng tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ hụi là 80.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trả lời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về quan hệ pháp luật và yêu cầu đương sự:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M trả số tiền nợ hụi là 80.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

[2] Bên cạnh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này và phía nguyên đơn có trình bày về nội dung yêu cầu phía bị đơn trả số tiền nợ hui là 80.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi tham gia góp hui, phía nguyên đơn và bị đơn đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc tham gia góp hui trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên việc tham gia góp hui giữa nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng: Nguyên đơn có tham gia góp hui đối với bị đơn thể hiện qua danh sách tham gia góp hui mùa và tại phiên tòa, bị đơn cũng đã thừa nhận còn nợ tiền hui đối với nguyên đơn số tiền 80.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ hui nêu trên. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường; buộc bị đơn bà phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ hui 80.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bị đơn là xin trả dần hàng tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ hui là 80.000.000 đồng, yêu cầu này là thuộc lĩnh vực thi hành án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến cho rằng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui là 80.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, và tại phiên tòa, bị đơn ông Hà Văn M cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị P cũng đã thừa nhận có thiếu nguyên đơn số tiền nêu trên và xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên là không có cơ sở, nên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời buộc bị đơn phải trả số tiền 80.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường;

- Áp dụng Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Hồ Thị P (Hồ Thúy P) và ông Hà Văn M phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Huỳnh A số tiền nợ hụi là 80.000.000 đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả **lãi** cho nguyên đơn mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Bị đơn bà Hồ Thị P (Hồ Thúy P) và ông Hà Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: 80.000.000 đồng x 5% = 4.000.000 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006786 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhấn